

Ngày thi: 08/05/2015

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				SỐ	CHỮ	
1	1813719001	Bùi Quý An	N18DLK5	6.3	Sáu phẩy Ba	ĐẠT
2	1812219482	Đặng Thị Hoàng Anh	N18KDN1	8.8	Tám phẩy Tám	ĐẠT
3	1812719006	Ngô Thị Quỳnh Anh	N18DLK5	8.5	Tám phẩy Năm	ĐẠT
4	1812719008	Nguyễn Thị Tú Anh	N18DLK4	7.3	Bảy phẩy Ba	ĐẠT
5	1813719011	Đào Duy Anh	N18DLK5	5.8	Năm phẩy Tám	ĐẠT
6	1812719013	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	N18DLK4	6.0	Sáu	ĐẠT
7	1813719018	Huỳnh Kim Cảnh	N18DLK2	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
8	1712719926	Thái Trịnh Minh Châu	N17DLK	7.0	Bảy	ĐẠT
9	1812719020	Nguyễn Thị Minh Châu	N18DLK3	8.0	Tám	ĐẠT
10	1813719021	Nguyễn Hữu Châu	N18DLK5	5.8	Năm phẩy Tám	ĐẠT
11	1812719023	Võ Quế Chi	N18DLK5	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
12	1813719025	Lê Văn Chiến	N18DLK5	5.3	Năm phẩy Ba	ĐẠT
13	1813219490	Đỗ Mạnh Cường	N18KDN3	6.8	Sáu phẩy Tám	ĐẠT
14	1812719048	Trần Đặng Minh Đài	N18DLK6	4.0	Bốn	KHÔNG ĐẠT
15	1812719028	Bùi Lê Thúy Diễm	N18DLK2	8.0	Tám	ĐẠT
16	1812719053	Nguyễn Thị Đông	N18DLK2	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
17	1812719054	Nguyễn Thị Thu Đông	N18DLK6	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
18	1813719056	Dụng Anh Đức	N18DLK1	7.3	Bảy phẩy Ba	ĐẠT
19	1812219492	Nguyễn Thị Phương Dung	N18KDN1	7.8	Bảy phẩy Tám	ĐẠT
20	1812219493	Phạm Thị Thùy Dung	N18KDN3	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
21	1812719031	Nguyễn Thị Thanh Dung	N18DLK3	5.0	Năm	ĐẠT
22	1812719032	Nguyễn Thị Hoàng Dung	N18DLK4	7.3	Bảy phẩy Ba	ĐẠT
23	1812719034	Dương Thị Thùy Dung	N18DLK2	8.0	Tám	ĐẠT
24	1812219496	Lê Thùy Dương	N18KDN3	5.8	Năm phẩy Tám	ĐẠT
25	1812719047	Lê Trùng Dương	N18DLK2	7.3	Bảy phẩy Ba	ĐẠT
26	1813719045	Hoàng Hải Dương	N18DLK2	7.3	Bảy phẩy Ba	ĐẠT
27	1813719046	Phan Văn Dương	N18DLK2	5.0	Năm	ĐẠT
28	1813719040	Nguyễn Ngọc Duy	N18DLK2	8.0	Tám	ĐẠT
29	1813719042	Nguyễn Khánh Duy	N18DLK6	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
30	1812719043	Hoàng Mộng Duyên	N18DLK1	7.3	Bảy phẩy Ba	ĐẠT
31	1812719059	Nguyễn Thị Hương Giang	N18DLK1	7.8	Bảy phẩy Tám	ĐẠT
32	1812719215	H' Hiệp Niê H' Sah	N18DLK5	6.0	Sáu	ĐẠT
33	1812719062	Trần Thị Thu Hà	N18DLK3	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
34	1812719063	Huỳnh Thị Kim Hà	N18DLK5	7.3	Bảy phẩy Ba	ĐẠT
35	1812719064	Lê Thị Ngọc Hà	N18DLK6	7.0	Bảy	ĐẠT
36	1812719065	Phan Thị Thu Hà	N18DLK1	6.0	Sáu	ĐẠT

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				SỐ	CHỮ	
37	1813719061	Đinh Ngọc Hà	N18DLK1	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
38	1812219503	Đỗ Thanh Minh Hạng	N18KDN4	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
39	1812719068	Nguyễn Hồng Hạng	N18DLK6	5.3	Năm phẩy Ba	ĐẠT
40	1812719071	Bùi Thị Hiền	N18DLK4	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
41	1812219507	Võ Vương Hiền	N18KDN1	7.0	Bảy	ĐẠT
42	1812219509	Nguyễn Thị Diệu Hiền	N18KDN1	7.0	Bảy	ĐẠT
43	1812719073	Lê Thị Diệu Hiền	N18DLK3	5.0	Năm	ĐẠT
44	1812719074	Nguyễn Trần Thu Hiền	N18DLK1	9.5	Chín phẩy Năm	ĐẠT
45	1812719076	Nguyễn Thị Kim Hiền	N18DLK1	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
46	1813719072	Nguyễn Viết Duy Hiền	N18DLK6	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
47	1813719077	Trần Minh Hiền	N18DLK6	7.8	Bảy phẩy Tám	ĐẠT
48	1813219511	Đặng Văn Hiếu	N18KDN1	9.5	Chín phẩy Năm	ĐẠT
49	1813719078	Trương Hoàng Hiếu	N18DLK5	6.0	Sáu	ĐẠT
50	1813719082	Nguyễn Trọng Hiếu	N18DLK4	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
51	1812719085	Lê Hoàng Hoa	N18DLK6	7.0	Bảy	ĐẠT
52	1812219513	Trương Thị Hòa	N18KDN4	8.3	Tám phẩy Ba	ĐẠT
53	1812719087	Nguyễn Thị Hạ Hoài	N18DLK2	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
54	1813219516	Trần Minh Hoàng	N18KDN1	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
55	1813719089	Trần Thiên Hoàng	N18DLK5	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
56	1813719090	Đoàn Văn Hoàng	N18DLK3	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
57	1813719091	Võ Quang Hoàng	N18DLK5	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
58	1812719093	Nguyễn Thị Kim Hồng	N18DLK2	6.3	Sáu phẩy Ba	ĐẠT
59	1813719094	Phạm Thế Hùng	N18DLK5	6.3	Sáu phẩy Ba	ĐẠT
60	1813719097	Phạm Lê Duy Hưng	N18DLK5	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
61	1812219527	Nguyễn Thị Hương	N18KDN2	5.8	Năm phẩy Tám	ĐẠT
62	1812719101	Lê Thị Thu Hương	N18DLK6	5.0	Năm	ĐẠT
63	1812219522	Bùi Thị Huyền	N18KDN2	5.0	Năm	ĐẠT
64	1812219523	Lê Thị Huyền	N18KDN3	6.0	Sáu	ĐẠT
65	1812219530	Lê Hoàng Bảo Khanh	N18KDN1	6.3	Sáu phẩy Ba	ĐẠT
66	1813719106	Đặng Vũ Anh Khoa	N18DLK4	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
67	1813719112	Đào Ngọc Khuê	N18DLK4	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
68	1812719114	Lưu Mỹ Lai	N18DLK4	3.5	Ba phẩy Năm	KHÔNG ĐẠT
69	1812219533	Nguyễn Thị Ái Lâm	N18KDN4	9.3	Chín phẩy Ba	ĐẠT
70	1813719116	Phùng Duy Lâm	N18DLK2	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
71	1812719117	Nguyễn Thị Lan	N18DLK5	6.8	Sáu phẩy Tám	ĐẠT
72	1812219539	Trần Thị Mỹ Linh	N18KDN1	8.0	Tám	ĐẠT
73	1812719122	Nguyễn Phạm Hoài Linh	N18DLK4	7.0	Bảy	ĐẠT
74	1812719126	Phan Bạch Hồng Loan	N18DLK4	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
75	1813719131	Trần Thanh Lợi	N18DLK3	5.8	Năm phẩy Tám	ĐẠT
76	1813719127	Nguyễn Thành Long	N18DLK1	3.5	Ba phẩy Năm	KHÔNG ĐẠT

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				SỐ	CHỮ	
77	1813219542	Trương Văn Lương	N18KDN1	9.5	Chín phẩy Năm	ĐẠT
78	1812719133	Dương Trương Thị Luyến	N18DLK6	5.0	Năm	ĐẠT
79	1812219543	Nguyễn Thị Mai	N18KDN1	8.5	Tám phẩy Năm	ĐẠT
80	1812719138	Võ Thùy Bảo My	N18DLK2	8.5	Tám phẩy Năm	ĐẠT
81	1812719145	Nguyễn Vĩnh Nam	N18DLK2	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
82	1812219548	Trần Thị Kim Nga	N18KDN4	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
83	1812719146	Nguyễn Thị Thúy Nga	N18DLK4	7.0	Bảy	ĐẠT
84	1812719147	Đoàn Thị Khánh Nga	N18DLK6	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
85	1812219551	Võ Thị Nghĩa	N18KDN4	5.8	Năm phẩy Tám	ĐẠT
86	1812219553	Nguyễn Hoài Bảo Ngọc	N18DLK2	6.0	Sáu	ĐẠT
87	1812719149	Nguyễn Xuân Phương Ngọc	N18DLK3	7.0	Bảy	ĐẠT
88	1812719150	Phạm Thị Bích Ngọc	N18DLK2	6.0	Sáu	ĐẠT
89	1812719151	Nguyễn Thị Tố Nguyên	N18DLK4	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
90	1812719156	Hoàng Thị Nguyệt	N18DLK5	5.0	Năm	ĐẠT
91	1812719157	Lê Võ My Thanh Nhân	N18DLK4	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
92	1813719158	Nguyễn Trọng Nhân	N18DLK4	7.3	Bảy phẩy Ba	ĐẠT
93	1813719159	Trương Thành Nhân	N18DLK4	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
94	1812719162	Đặng Thị Hồng Nhật	N18DLK6	6.3	Sáu phẩy Ba	ĐẠT
95	1812219557	Lê Thị Tuyết Nhi	N18KDN4	7.0	Bảy	ĐẠT
96	1812219560	Trần Thị Nhi	N18KDN1	7.8	Bảy phẩy Tám	ĐẠT
97	1812719166	Đoàn Trần Ý Nhi	N18DLK3	8.8	Tám phẩy Tám	ĐẠT
98	1812719167	Trương Nguyễn Yến Nhi	N18DLK2	9.5	Chín phẩy Năm	ĐẠT
99	1812719168	Trần Thị Hiền Nhi	N18DLK1	9.3	Chín phẩy Ba	ĐẠT
100	1812719169	Trương Thị Thúy Nhi	N18DLK4	9.5	Chín phẩy Năm	ĐẠT
101	1812719170	Trần Phương Quỳnh Nhi	N18DLK4	8.5	Tám phẩy Năm	ĐẠT
102	1813719171	Nguyễn Thế Nhon	N18DLK2	9.3	Chín phẩy Ba	ĐẠT
103	1812219562	Hoàng Nguyễn Quỳnh Như	N18KDN4	9.3	Chín phẩy Ba	ĐẠT
104	1812719176	Nguyễn Thị Nữ	N18DLK6	7.8	Bảy phẩy Tám	ĐẠT
105	1812719180	Nguyễn Thị Mai Phi	N18DLK3	7.8	Bảy phẩy Tám	ĐẠT
106	1812719183	Nguyễn Ngọc Nguyên Phú	N18DLK4	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
107	1813719189	Trần Phi Phụng	N18DLK5	5.3	Năm phẩy Ba	ĐẠT
108	1812719193	Võ Thị Phước	N18DLK6	6.0	Sáu	ĐẠT
109	1813719191	Nguyễn Chánh Phước	N18DLK3	5.8	Năm phẩy Tám	ĐẠT
110	1813719192	Nguyễn Phước	N18DLK1	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
111	1812719196	Phan Hồng Phương	N18DLK3	6.8	Sáu phẩy Tám	ĐẠT
112	1812719199	Trương Thị Ngọc Phượng	N18DLK4	7.3	Bảy phẩy Ba	ĐẠT
113	1812719203	Nguyễn Thị Thu Quý	N18DLK4	2.0	Hai	KHÔNG ĐẠT
114	1812219571	Trần Thị Tú Quyên	N18KDN1	8.8	Tám phẩy Tám	ĐẠT
115	1812719206	Phan Thị Bảo Quyên	N18DLK2	7.8	Bảy phẩy Tám	ĐẠT
116	1812719209	Phạm Đoàn Khánh Quỳnh	N18DLK4	8.5	Tám phẩy Năm	ĐẠT

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				SỐ	CHỮ	
117	1812719211	Lê Thị Như Quỳnh	N18DLK1	9.8	Chín phẩy Tám	ĐẠT
118	1812719212	Mai Trần Xuân Quỳnh	N18DLK6	8.0	Tám	ĐẠT
119	1812719213	Nguyễn Thị Như Quỳnh	N18DLK5	8.5	Tám phẩy Năm	ĐẠT
120	1813719208	Phùng Ngọc Quỳnh	N18DLK1	7.8	Bảy phẩy Tám	ĐẠT
121	1813219573	Thái Minh Sặng	N18KDN1	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
122	1813219575	Phạm Ngọc Sơn	N18KDN1	9.0	Chín	ĐẠT
123	1813719217	Phạm Ngọc Sơn	N18DLK3	9.0	Chín	ĐẠT
124	1812219580	Đàm Thị Thu Sương	N18KDN2	9.5	Chín phẩy Năm	ĐẠT
125	1812219581	Nguyễn Thị Tuyết Sương	N18KDN1	9.0	Chín	ĐẠT
126	1812219582	Hoàng Thị Thanh Tâm	N18KDN2	7.0	Bảy	ĐẠT
127	1812219583	Trần Thị Thanh Tâm	N18KDN1	7.0	Bảy	ĐẠT
128	1812719219	Trần Thị Tâm	N18DLK2	8.0	Tám	ĐẠT
129	1812719220	Phan Nguyễn Thành Tâm	N18DLK6	7.0	Bảy	ĐẠT
130	1813719221	Tô Văn Hoài Tâm	N18DLK6	7.0	Bảy	ĐẠT
131	1813219584	Nguyễn Văn Tân	N18KDN1	8.8	Tám phẩy Tám	ĐẠT
132	1812719228	Phùng Thị Thiên Thanh	N18DLK2	8.0	Tám	ĐẠT
133	1813219586	Trần Nhật Thanh	N18KDN1	8.5	Tám phẩy Năm	ĐẠT
134	1813719229	Ngô Trương Duy Thành	N18DLK3	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
135	1812219589	Hồ Thị Bích Thảo	N18KDN4	8.0	Tám	ĐẠT
136	1812219592	Trần Thị Thu Thảo	N18KDN1	9.5	Chín phẩy Năm	ĐẠT
137	1812219594	Nguyễn Thị Phương Thảo	N18KDN4	9.5	Chín phẩy Năm	ĐẠT
138	1812219595	Lê Phương Thảo	N18KDN2	7.0	Bảy	ĐẠT
139	1812719230	Phạm Phương Thảo	N18DLK3	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
140	1812719232	Lê Huỳnh Hiếu Thảo	N18DLK3	6.0	Sáu	ĐẠT
141	1812719233	Trần Dương Việt Thảo	N18DLK4	6.0	Sáu	ĐẠT
142	1812719234	Trần Việt Thảo	N18DLK1	7.0	Bảy	ĐẠT
143	1812719235	Nguyễn Thị Gia Thảo	N18DLK6	5.0	Năm	ĐẠT
144	1813719243	Nguyễn Ngọc Thông	N18DLK4	6.0	Sáu	ĐẠT
145	1812219599	Hồ Thị Thu	N18KDN4	6.0	Sáu	ĐẠT
146	1812719244	Đỗ Nguyễn Hoài Thu	N18DLK5	9.5	Chín phẩy Năm	ĐẠT
147	1812719245	Đặng Thị Hoài Thu	N18DLK1	9.5	Chín phẩy Năm	ĐẠT
148	1812219604	Bùi Thị Thư	N18KDN2	8.0	Tám	ĐẠT
149	1812719257	Nguyễn Diệu Anh Thư	N18DLK2	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
150	1712219896	Nguyễn Thị Thương	N17KDN2	5.0	Năm	ĐẠT
151	1812219602	Nguyễn Thị Thủy	N18KDN1	6.3	Sáu phẩy Ba	ĐẠT
152	1812719252	Võ Thị Ánh Thủy	N18DLK3	6.3	Sáu phẩy Ba	ĐẠT
153	1812719255	Nguyễn Thị Thu Thủy	N18DLK5	6.3	Sáu phẩy Ba	ĐẠT
154	1813719264	Nguyễn Thành Tín	N18DLK5	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
155	1813119457	Nguyễn Văn Tịnh	N18DLK5	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
156	1813719266	Mai Đình Toàn	N18DLK3	7.0	Bảy	ĐẠT

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				SỐ	CHỮ	
157	1812219610	Phan Thị Kiều Trâm	N18KDN3	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
158	1812719271	Tôn Nguyễn Huyền Trâm	N18DLK2	8.8	Tám phẩy Tám	ĐẠT
159	1812719272	Huỳnh Huyền Trâm	N18DLK1	9.0	Chín	ĐẠT
160	1812719273	Nguyễn Thị Bích Trâm	N18DLK3	7.8	Bảy phẩy Tám	ĐẠT
161	1812219609	Đoàn Thị Thu Trang	N18KDN1	9.8	Chín phẩy Tám	ĐẠT
162	1812719268	Nguyễn Thị Thùy Trang	N18DLK1	9.0	Chín	ĐẠT
163	1813719278	Huỳnh Ngọc Trí	N18DLK5	8.0	Tám	ĐẠT
164	1813719279	Nguyễn Duy Trí	N18DLK6	8.5	Tám phẩy Năm	ĐẠT
165	1813719280	Lý Thế Triều	N18DLK5	8.5	Tám phẩy Năm	ĐẠT
166	1813719281	Nguyễn Công Triều	N18DLK6	7.0	Bảy	ĐẠT
167	1812219612	Trần Thị Lê Trúc	N18KDN1	8.0	Tám	ĐẠT
168	1813719285	Tạ Thanh Trung	N18DLK5	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
169	1813719286	Nguyễn Thành Trung	N18DLK5	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
170	1813719287	Phạm Ngọc Trung	N18DLK2	6.0	Sáu	ĐẠT
171	1813719290	Nguyễn Ngọc Tú	N18DLK5	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
172	1813219614	Đặng Minh Tuấn	N18KDN2	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
173	1813719292	Phan Thành Tuấn	N18DLK5	5.0	Năm	ĐẠT
174	1813219617	Hoàng Thanh Tùng	N18KDN1	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
175	1813719293	Phan Sỹ Tùng	N18DLK4	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
176	1813719295	Trần Mai Phước Tùng	N18DLK3	9.0	Chín	ĐẠT
177	1812719296	Phạm Thị Thanh Tuyền	N18DLK5	9.0	Chín	ĐẠT
178	1812219618	Lê Thị Bạch Tuyết	N18KDN3	7.0	Bảy	ĐẠT
179	1812219619	Trần Thoại Uyên	N18KDN1	7.0	Bảy	ĐẠT
180	1812719297	Lâm Thảo Uyên	N18DLK2	0.0	Không	KHÔNG ĐẠT
181	1812719303	Trần Thị Kiều Vân	N18DLK1	6.3	Sáu phẩy Ba	ĐẠT
182	1812719305	Nguyễn Thị Hoàng Vân	N18DLK6	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
183	1813719301	Trần Khánh Văn	N18DLK6	8.5	Tám phẩy Năm	ĐẠT
184	1812719304	Nguyễn Thị Vân	N18DLK6	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
185	1812219620	Phan Thị Ái Vi	N18KDN3	7.3	Bảy phẩy Ba	ĐẠT
186	1813719307	Huỳnh Văn Vĩ	N18DLK3	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
187	1713219917	Nguyễn Quốc Việt	N17KDN1	6.5	Sáu phẩy Năm	ĐẠT
188	1813719310	Nguyễn Hữu Vinh	N18DLK5	7.8	Bảy phẩy Tám	ĐẠT
189	1812719311	Trương Thị Von	N18DLK1	6.8	Sáu phẩy Tám	ĐẠT
190	1813719313	Dương Lê Tuấn Vũ	N18DLK4	8.5	Tám phẩy Năm	ĐẠT
191	1813719314	Phạm Hoàng Vũ	N18DLK1	8.5	Tám phẩy Năm	ĐẠT
192	1813719317	Nguyễn Minh Vương	N18DLK6	8.5	Tám phẩy Năm	ĐẠT
193	1813719318	Trần Viết Vương	N18DLK2	9.5	Chín phẩy Năm	ĐẠT
194	1812719319	Phan Thúy Vy	N18DLK3	7.0	Bảy	ĐẠT
195	1812719321	Trần Thị Hiền Vy	N18DLK5	7.0	Bảy	ĐẠT
196	1812719323	Trương Nguyễn Như Ý	N18DLK1	8.0	Tám	ĐẠT

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				SỐ	CHỮ	
197	1812719324	Nguyễn Thị Kim YẾN	N18DLK3	8.0	Tám	ĐẠT
198	1812219628	Nguyễn Thị Thên HƯƠNG	N18KDN4	7.0	Bảy	ĐẠT
199	1812719276	Lê Thị Trâm	N18DLK6	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
200	1812719300	Trần Hồ Phương Uyên	N18DLK6	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
201	1812719165	Phan Thị Uyên Nhi	N18DLK6	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
202	1813719004	Lê Đức Anh	N18DLK6	7.0	Bảy	ĐẠT
203	1813719175	Đỗ Văn Nhựt	N18DLK5	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
204	1813719075	Trương Thanh Hiền	N18DLK5	6.0	Sáu	ĐẠT
205	1813719128	Nguyễn Hoàng Long	N18DLK5	6.0	Sáu	ĐẠT
206	1813719109	Trần Đăng Khoa	N18DLK6	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
207	1813719322	Nguyễn Phú Vỹ	N18DLK6	7.5	Bảy phẩy Năm	ĐẠT
208	1813719041	Nguyễn Tấn Duy	N18DLK6	6.3	Sáu phẩy Ba	ĐẠT
209	1812719144	Nguyễn Hoàng Ni Na	N18DLK6	6.8	Sáu phẩy Tám	ĐẠT
210	1812719026	Lê Thị Kim Chung	N18DLK6	8.8	Tám phẩy Tám	ĐẠT
211	1813719003	Lê Thành An	N18DLK5	7.8	Bảy phẩy Tám	ĐẠT
212	1812719069	Tôn Nữ Thị Hằng	N18DLK6	8.0	Tám	ĐẠT
213	1813719626	Nguyễn Đình Hiệp	N18DLK5	6.3	Sáu phẩy Ba	ĐẠT
214	1813719153	Vũ Hoàng Nguyên	N18DLK5	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT
215	1813719187	Nguyễn Thành Phúc	N18DLK6	5.5	Năm phẩy Năm	ĐẠT

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ
1	Số sinh viên đạt	210	98%
2	Số sinh viên nợ	5	2%
TỔNG CỘNG :		215	100%

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

ThS. Nguyễn Ân

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 05 năm 2015
CT.HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

PGS. TS Lê Đức Toàn